

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2025/DS-PT
Ngày: 24 - 7 - 2025
V/v đòi lại tài sản và tranh chấp
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “Đòi lại tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2025/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Ông Trần Văn L, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Số A ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996; (có mặt)

Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965; (có mặt)

Nơi cư trú: Số A ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà Trần Thị Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (nay là Trung tâm T1 - Vĩnh Long).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1969; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị X, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị K, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị Út C, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Trần Thị Út E, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp).

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của các bà Trần Thị X, Trần Thị K, Trần Thị L1, Trần Thị V, Trần Thị Ú, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H1: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn Đ, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn L là chủ sử dụng các thửa đất số 1053, 1057, 1058, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện C, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/1990. Năm 1995, do ông Trần Văn Đ (em ruột ông L) không có chỗ ở nên ông Đ có hỏi ông L cho ông Đ xin cất tạm căn nhà gỗ, mái lá để ở thì ông L đồng ý.

Trong suốt quá trình ở trên đất thì ông Đ có tu bổ, sửa chữa nhà và hiện nay thành một căn nhà hoàn chỉnh. Do ông L và ông Đ là anh em ruột với nhau và ông Đ cũng không có chỗ ở nào khác nên khi ông Đ sửa lại nhà thì ông L cũng không có ý kiến gì. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ngoài phần đất có căn nhà thì ông Đ còn lấn chiếm ra phần đất xung quanh nhà mà chưa được sự đồng ý của ông L. Do đó, ông L có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hòa giải của Ủy ban nhân dân xã P, ông Đ chẳng những không đồng ý trả lại đất cho ông L mà còn thách thức ông L khởi kiện ra Tòa án.

Vì vậy, nay ông L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết buộc ông Đ phải trả lại cho ông L phần đất ở nhờ và phần đất đã lấn chiếm (hai phần đất này thuộc thửa đất số 1058, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre). Do ông Đ hiện không có chỗ ở nào khác nên ông L chỉ yêu cầu ông Đ trả bằng giá trị quyền sử dụng đất, cụ thể:

Theo bản đồ chính quy và kết quả đo đạc, phần đất ông Đ ở nhờ và lấn chiếm hiện nay thuộc thửa đất số 178 (diện tích 387,8m²), tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 453 (diện tích 507,5m²), tờ bản đồ số 11 xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (thửa đất cũ là 1058, tờ bản đồ số 3). Trong thửa đất số 453 có khu mộ của ông bà diện tích 45,8m² và khu mộ không rõ nguồn gốc diện tích 53,7m²; do là đất có mồ mã nên ông L không yêu cầu tính giá trị đối với phần diện tích mồ mã này. Vì vậy, phần đất ông L yêu cầu ông Đ phải trả giá trị có diện tích là 387,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, về giá đất là 350.000 đồng/m² theo như kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện C.

Tại đơn phản tố, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Phần đất hiện ông Đ đang quản lý sử dụng và có nhà trên đất mà ông L yêu cầu khởi kiện có nguồn gốc của ông nội của nguyên đơn và bị đơn là ông Trần Văn C1. Năm 1984, ông C1 chết, cha mẹ ông là ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị B1 về cất một nhà lá để ở cùng các con. Lúc này, ông L cũng có căn nhà kè bên. Thời điểm này, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cha mẹ ông và các anh em đi làm thuê cắt lúa mướn ở An Giang, cha mẹ thường xuyên không có ở nhà. Thời gian này, ông đi bộ đội ở chiến trường Campuchia cũng không có ở nhà. Năm 1990, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân ở xã P, do cha mẹ không có ở nhà nên ông L tự ý kê khai và được đứng tên quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất tranh chấp trên. Thời điểm ông L kê khai thì trên phần đất tranh chấp đã có căn nhà của cha mẹ. Cha mẹ và các anh chị em hoàn toàn không biết việc ông L kê khai và được đứng tên quyền sử dụng đất.

Sau khi căn nhà lá mục, ông Đ về ở chung với cha mẹ một thời gian thì có nhiều lần tu sửa lại, đến năm 2000 thì xây mới thành nhà tường, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch, sau này thì có đóng thêm la phong và sơn tường như hiện nay. Việc xây mới thành nhà tường là do vợ chồng ông Đ bỏ tiền ra xây vì lúc đó cha mẹ đã già. Do đó, căn nhà hiện nay là tài sản riêng của vợ chồng ông Đ. Còn quyền sử dụng đất thì ông Đ cũng đã được cha mẹ cho nên ông mới được ở và xây nhà trên đất. Do ông Đ cứ nghĩ đất cha mẹ cho và ông đã ở ổn định, anh em không có tranh chấp nên ông không đăng ký kê khai hay làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020, do có mâu thuẫn về lối đi với vợ chồng ông L nên bà B1 mới khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản và vụ án đã được giải

quyết bằng Bản án số 17/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, cũng từ vụ việc tranh chấp này ông mới biết phần đất mà ông đang ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông Đ trả giá trị phần đất ông Đ đang ở, ông Đ không đồng ý vì đất này có nguồn gốc của ông bà, cha mẹ để lại, chưa có văn bản, giấy tờ hay di chúc gì để lại cho ông L nhưng ông L lại tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, nay ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được trọn quyền sử dụng phần đất hiện ông đang ở và canh tác để ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long) đã tuyên:

Căn cứ vào các điều 26, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L đối với bị đơn ông Trần Văn Đ về việc “Đòi lại tài sản”.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Đ đối với ông Trần Văn L về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Cụ thể tuyên:

Buộc ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L giá trị quyền sử dụng đất (diện tích 387,8m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa số 453, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C) với số tiền là 185.686.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ông Trần Văn Đ được trọn quyền sử dụng thửa đất số 178 (diện tích 387,8m²), tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 453 (diện tích 507,50m²), tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Thửa đất số 178 (diện tích 387,8m²) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 161;
- Nam giáp thửa 453;

- Đông giáp thửa 161;

- Tây giáp thửa 190.

Thửa đất số 453 (diện tích 507,50m²) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 178 và 161;

- Nam giáp thửa 454;

- Đông giáp thửa 179, 251, 301;

- Tây giáp thửa 190.

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Trần Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đúng tên quyền sử dụng đất đối với các phần đất được nhận nêu trên theo quy định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/4/2025, bị đơn ông Trần Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Đồng thời, kiến nghị điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 1058, tờ bản đồ số 3 cấp cho ông L sang ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Trần Văn Đ kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trần Văn L yêu cầu ông Trần Văn Đ phải trả giá trị diện tích đất 387,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre với giá là 350.000 đồng/m².

Ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được trọn quyền sử dụng phần đất hiện ông đang ở và canh tác để ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trần Văn L được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/1990 đối với các thửa đất số 1053, 1057, 1058, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Việc bị đơn ông Trần Văn Đ cho rằng đất tranh chấp có nguồn của ông nội là ông Trần Văn C1 cho cha mẹ ông là ông Trần Văn Đ1, bà Nguyễn Thị B1 rồi sau đó ông Đ1, bà B1 cho lại ông nhưng ông Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày của ông Đ là không có căn cứ để xem xét chấp nhận. Mặt khác, việc ông Đ cho rằng ông cùng cha mẹ ở trên phần đất này từ năm 1984 nhưng từ đó đến nay ông Đ cũng như ông Đ1, bà B1 không có đăng ký kê khai, cũng không có khiếu nại hay tranh chấp gì đối với phần đất này, trong khi ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 10/12/1990 đến nay.

Ông Đ và gia đình đang sinh sống ổn định, căn nhà đã xây dựng kiên cố và là tài sản riêng của vợ chồng ông Đ. Ông Đ cũng không còn nơi ở nào khác. Vì vậy, ông L yêu cầu ông Đ trả lại giá trị đất là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo ổn định đời sống cho ông Đ cùng gia đình ông Đ.

Ngoài ra, trong quá trình sử dụng đất, bị đơn ông Đ cũng đã có công sức giữ gìn, tôn tạo, duy trì tài sản có giá trị như hiện nay nên Tòa án sơ thẩm xem xét tính công sức tôn tạo, giữ gìn đất cho ông Đ bằng 1/3 giá trị tài sản là phù hợp.

Theo đo đạc thực tế, diện tích đất ông L yêu cầu trả bằng giá trị quyền sử dụng đất là 387,8m² thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa số 453, tờ bản đồ số 11, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long). Diện tích đất nêu trên không bao gồm diện tích đất có mồ mã. Ông L yêu cầu tính theo giá đất theo giá của Hội đồng định giá huyện C đã định là phù hợp.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/8/2024, giá đất là 350.000 đồng/m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 278.530.000 đồng. Sau khi trừ đi 1/3 công sức tôn tạo, giữ gìn đất thì số tiền ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông L là 185.687.000 đồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, buộc bị đơn ông Trần Văn Đ phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho ông L số tiền là 185.687.000 đồng. Ông Đ được trọn quyền sử dụng diện tích 387,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn Đ:

Như đã phân tích trên, phần đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L, yêu cầu phản tố của ông Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn Đ là người có công với cách mạng nên được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2025/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long).

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L đối với bị đơn ông Trần Văn Đ về việc “Đòi lại tài sản”.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn Đ đối với ông Trần Văn L về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Cụ thể tuyên:

Buộc ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L giá trị quyền sử dụng đất diện tích 387,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 24 và 408m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) với số tiền là 185.686.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn Đ được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 387,8m² thuộc thửa đất số 178, tờ bản đồ số 24 và 507,5m² thuộc thửa đất số 453, tờ bản đồ số 11, tại xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Thửa đất số 178 (diện tích 387,8m²) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 161;
- Nam giáp thửa 453;
- Đông giáp thửa 161;
- Tây giáp thửa 190.

Thửa đất số 453 (tổng diện tích 507,5m²) có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 178 và 161;
- Nam giáp thửa 454;
- Đông giáp thửa 179, 251, 301;
- Tây giáp thửa 190.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo).

Ông Trần Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đúng tên quyền sử dụng đất đối với các phần đất được nhận nêu trên theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền chi phí tố tụng là 8.364.000đ (tám triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn Đ được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng TT, KT và THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang